

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-12-2024
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thanh Hoàng; ông Phạm Thanh Hải.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Cẩm Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 324/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trịnh Thị Minh T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ A, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Nhà T, ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ C, khóm S, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thị Minh T và bị đơn ông Nguyễn Hùng D, đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị Minh T trình bày: Bà và ông Nguyễn Hùng D quen biết, tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 03 năm 2022, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống tại tổ C, khóm S, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang. Đến năm 2024 thì giữa bà và ông D xảy ra mâu thuẫn mạnh mẽ, nguyên nhân ông D đam mê cờ bạc, nhục mạ bà và gia đình bà, nên đã sống ly thân từ tháng 04/2024 đến nay. Đến nay, tình cảm không còn và cũng không thể hàn gắn bà T yêu cầu tuyên bố bà và ông D không phải là vợ chồng.

Bà Trịnh Thị Minh T và ông Nguyễn Hùng D có một (01) con chung tên Trịnh Hùng K, sinh ngày 29/10/2023. Tại phiên họp công khai chứng ngày

22/11/2024 bà T xin thay đổi yêu cầu về nuôi con chung, bà đồng ý giao cho ông Nguyễn Hùng D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trịnh Hùng K, sinh ngày 29/10/2023, đồng thời bà không phải cấp dưỡng; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Căn cước công dân cấp cho bà Trịnh Thị Minh T và Nguyễn Hùng D (bản photo); Giấy khai sinh cấp cho Trịnh Hùng K (bản sao); Bản tự khai (bản chính).

** Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hùng D trình bày:* Ông Nguyễn Hùng D thống nhất với ý kiến của bà T về thời gian đi đến hôn nhân, ông D đồng ý theo yêu cầu ly hôn của bà T; giữa vợ chồng có 01 (một) con chung là Trịnh Hùng K, sinh ngày 29/10/2023; ông yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng; ông D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trịnh Thị Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hùng D; bị đơn có nơi cư trú tại tổ C, khóm S, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt BLTTDS).

- Về sự vắng mặt của đương sự: bà Trịnh Thị Minh T và ông Nguyễn Hùng D có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Trịnh Thị Minh T và bị đơn ông Nguyễn Hùng D sống chung như vợ chồng từ năm 2022 đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”*

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”*

Căn cứ quy định pháp luật như viện dẫn nêu trên, thấy rằng nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2022 đến nay, không đăng ký kết hôn nên không công nhận bà T và ông D là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: bà Trịnh Thị Minh T và ông Nguyễn Hùng D xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 (một) con chung tên Trịnh Hùng K, sinh ngày 29/10/2023. Tại thời điểm này, cháu Trịnh Hùng K, ngày 29/10/2023 là dưới 36 tháng tuổi; tuy nhiên, bà T tự nguyện đồng ý giao cho ông D nuôi dưỡng cháu K, do đó ghi nhận sự thống nhất tự định đoạt của các đương sự, giao cho ông D quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định; bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trịnh Thị Minh T và ông Nguyễn Hùng D là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho ông Nguyễn Hùng D được trực tiếp nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Trịnh Hùng K, sinh ngày 29/10/2023; bà Trịnh Thị Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

ông Nguyễn Hùng D cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Trịnh Thị Minh T quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Trịnh Thị Minh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011121 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên, bà Trịnh Thị Minh T đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Hùng D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tx. Tịnh Biên (1);
- Chi cục THADS tx. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ